

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2018

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thức

2. Ông Ngô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Hồng P (N), sinh năm 1995; địa chỉ: ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Hoài L, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2018, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Chị P và anh Nguyễn Hoài L tổ chức lễ cưới vào năm 2014, hôn nhân xây dựng trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B ngày 14/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi mua bán tại T phố Hồ Chí Minh nhưng cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh L thường xuyên rượu chè, lười biếng không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, đánh nhau.

Chị đã nhiều lần trao đổi, khuyên nhủ anh L nhưng anh L vẫn không sửa đổi. Mâu thuẫn của chị và anh L mẹ chồng có biết và khuyên bảo anh L nhưng vẫn không kết quả. Từ tháng 11/2017, chị đã về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh L có đến năn nỉ mong được hàn gắn nhưng chị thấy anh L vẫn không sửa đổi nên chị không trở về. Nay chị thấy mâu thuẫn giữa chị và anh L đã trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục cuộc sống chung nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoài L.

Về con chung: trong thời gian chung sống chị và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 12/11/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Hoài L trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị P về thời điểm kết hôn, nơi đăng kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn là anh không đồng ý. Anh thừa nhận anh có rượu chè thường xuyên nhưng đó là do nhu cầu công việc, anh uống rượu cùng bạn bè để tạo mối quan hệ trong mua bán. Việc anh uống rượu chị P không hài lòng nên có nói với anh và anh có hạn chế, một tuần uống khoảng 2 – 3 lần. Bên cạnh đó, do hai vợ chồng làm việc cực nhọc nên cả hai đều mệt mỏi, vì vậy dồn đẩy công việc nhà cho nhau nên sinh ra mâu thuẫn cự cãi và vợ chồng cũng có mâu thuẫn về tiền bạc. Sau mỗi lần mâu thuẫn là vợ đưa con về nhà cha mẹ ruột sống, sau đó anh đến năn nỉ rước về. Vợ chồng trở về chung sống được một thời gian lại tiếp tục cự cãi rồi chị P lại bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần. Đến tháng 7/2017, anh say rượu nên vợ chồng cự cãi rồi đánh nhau, chị P đưa con về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, anh đến năn nỉ nhiều lần nhưng chị P không chịu về. Anh nhận thấy mâu thuẫn giữa anh và chị P là không lớn, hiện nay anh vẫn còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: trong thời gian chung sống anh và chị P có 01 con chung là cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 12/11/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T sống cùng chị P, khi ly hôn anh đồng ý để chị P tiếp tục nuôi dưỡng con chung nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm

phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72 và điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: chị P và anh L có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị P và anh L là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải được, chị P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh L. Anh L cho rằng còn thương vợ nhưng không có thiện chí hàn gắn. Do đó, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Do hiện nay cháu T còn nhỏ chưa đủ 03 tuổi và anh L cũng đồng ý để chị P tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Do đó xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị P phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hoài L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Nguyễn Hoài L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 14 tháng 3 năm 2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh L là hợp pháp.

[2.1] Xét thấy, chị P cho rằng trong thời gian chung sống anh L không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình mà chỉ lo ăn chơi, rượu chè chị đã khuyên ngăn

nhều lần nhưng anh L vẫn không sửa đổi. Anh L thừa nhận anh thường xuyên uống rượu nhưng đó là do nhu cầu quan hệ làm ăn buôn bán mà không phải do anh nghiện rượu; hơn nữa giữa vợ chồng cũng có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc và tị nạnh nhau trong công việc nhà nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cự cãi, đánh nhau.

[2.2] Xét thấy, mặc dù chị P và anh L chưa hoàn toàn thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị P xin ly hôn. Nhưng cả hai đều xác định giữa vợ chồng đã tồn tại mâu thuẫn và không thể dung hòa được với nhau nên từ tháng 11/2017 vợ chồng sống ly thân đến nay và trong thời gian sống ly thân vợ chồng có gặp nhau để hòa giải nhưng vẫn không kết quả. Tại phiên tòa, chị P xác định hiện nay chị không còn tình cảm với anh L nên không đồng ý hàn gắn. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh L đã trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung.

[2.3] Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng hạnh phúc gia đình và giữa vợ chồng phải thương yêu, chăm sóc nhau nhưng chị P và anh L đã không làm được những điều trên. Qua đó, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị P và anh L lâm vào mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị P xin ly hôn với anh L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Nguyễn Công T sinh ngày 12/11/2015. Do hiện nay cháu T còn nhỏ chưa đủ 03 tuổi và anh L cũng đồng ý để chị P tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Do đó, xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị P phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị P tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: không có.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ chị Nguyễn Thị Hồng P phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng P (N) ly hôn với anh Nguyễn Hoài L.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị Hồng P có quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Công T sinh ngày 12/11/2015. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Hồng P tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Hoài L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Hồng P phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017656 ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Sau khi khấu trừ chị P được nhận lại số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Nhi

